TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2026/DS-PT
Ngày: 25 - 3 - 2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuấn, bà Đặng Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Tiểu Linh Đan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 603/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2025/DSST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 115/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Trần Xuân H và bà Lê Thị T. Địa chỉ: Thôn E E, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đoàn Quang H1. Địa chỉ: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Kiên . Địa chỉ: Thôn C E, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Huy T1. Địa chỉ: Số E H, phường Q, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Do có mối quan hệ quen biết với ông Nguyễn K (là chủ Đại lý thu mua nông sản K2 tại thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk) nên vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T đã nhiều lần ký gửi cà phê nhân xô tại đại lý của ông K nhằm mục đích khi nào ông H, bà T muốn bán thì chốt giá với ông K để lấy tiền (không phải nhằm mục đích gửi giữ tài sản theo hợp đồng đồng gửi giữ tài sản). Khi người gửi hàng hóa vào đại lý được chủ đại lý ghi phiếu bằng "Biên lai nhận hàng"

theo mẫu do chủ đại lý in sẵn và cam kết khi người gửi hàng hóa chốt giá thì đại lý thanh toán tiền. Khi gửi cà phê thì hai bên không thỏa thuận với nhau về chi phí gửi giữ.

Ngày 22/02/2023, ông H và bà T đã gửi 14.229 kg cà phê nhân xô vào đại lý của ông K. Thời hạn ký gửi in theo mẫu của ông K là 12 tháng. Khi nhận hàng, ông K ghi rõ trong "Biên lai nhận hàng" với nội dung "Cà lên chốt giá tiền xin trả dần". Tuy nhiên, từ tháng 4/2024 khi cà phê được giá ông H, bà T đã nhiều lần yêu cầu ông K chốt giá nhưng đều bị ông K từ chối, ông H và bà T đòi lại cà phê nhưng ông K không trả.

Ngoài ra, vào ngày 03/4/2024 ông Nguyễn K có vay của vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T số tiền là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) với lãi suất 1,1%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Khi vay 02 bên có viết '*Biên lai nhận tiền*" theo mẫu in sẵn của Đại lý thu mua nông sản K2. Sau đó, ông K tiếp tục vay của vợ chồng ông H, bà T số tiền 130.000.000 đồng và viết giấy *"nợ lại 130.000.000 đồng"* tại mặt sau của tờ "Biên lai nhận tiền" ngày 03/4/2024. Do đó, ông K còn vay của ông H, bà T tổng số tiền là 480.000.000 đồng. Khi quá thời hạn trả nhưng ông K không trả được cho ông H, bà Thanh khoản tiền gốc và lãi nào.

Vì vậy, vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị Thanh khởi K1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn K phải trả cho ông H, bà T số cà phê nhân xô đã nhận là 14.229 kg. Đồng thời trả số tiền vay gốc là 480.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 04/3/2024 đến ngày 28/11/2024 là 40.793.424 đồng.

Tuy nhiên, ngày 23/5/2025, vợ chồng ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: Buộc ông Nguyễn K phải trả cho ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T số tiền vay gốc là 480.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 04/3/2024 đến ngày 28/11/2024 là 40.793.424 đồng. Chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn K phải trả cho ông H, bà T số cà phê nhân xô đã nhận là 14.229 kg.

Tại phiên Tòa sơ thẩm, ông H, bà T yêu cầu ông K phải trả số tiền theo mức giá cà phê nhân xô hiện tại là: 14.229 kg x 120.700 đồng/kg = 1.717.440.300 đồng.

Đối với đơn yêu cầu phản tố của ông Nguyễn K về việc: Buộc ông Trần Xuân H và bà Lê Thị T phải thanh toán cho ông Nguyễn K chi phí về bảo quản và tiền công gửi giữ cà phê nhân xô trong toàn bộ thời gian gửi giữ từ ngày 18/5/2007 đến ngày 03/4/2025 (tính bằng cà phê nhân xô) tổng cộng là: 12.429kg cà phê nhân xô.

Ông H, bà T không đồng ý yêu cầu phản tố của ông Nguyễn K về việc buộc ông H và bà T phải trả cho ông K chi phí về bảo quản và tiền công gửi giữ cà phê nhân xô trong toàn bộ thời gian gửi giữ tổng cộng là: 12.429kg cà phê nhân xô. Vì ông H, bà T không nhờ ông K giữ hàng hóa. Thực tế ông H, bà T gửi là để bán khi giá cà phê lên hay xuống theo thị trường giống như đại lý tại địa phương và ông K cũng không có chứng cứ chứng minh ông H, bà T gửi hàng hóa tại kho nhà ông K nên không có nghĩa vụ trả phí bảo quản và tiền công giữ tài sản. Khi gửi hai bên không thỏa thuận chi phí gửi giữ cà phê nhân xô. Ông H, bà T chỉ gửi cà phê nhân xô cho ông K, còn việc ông K gửi cho ai thì ông H, bà T không biết. Ông H, bà T cũng không biết đại lý Lân L là ai.

*** Yêu cầu phản tố của bị đơn và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:** Do có mối quan hệ quen biết với nhau thông qua giao dịch mua bán cà phê hàng năm nên từ năm 2005 ông K có thỏa thuận cho bà Lê Thị Thanh C chồng là Nguyễn Xuân H2 ở thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk gửi lại cà phê tại kho của nhà ông K với thoả thuận miệng (không thỏa thuận bằng văn bản) người gửi phải chịu hao hụt do bay hơi nước và phí bảo quản (gọi tắt là tiền lưu kho) hàng năm với mức 20kg/1 tấn/1 năm nhưng sau đó do bị quá tải không còn chỗ chứa nên ông K có đề nghị với vợ chồng bà T – H2 nếu có dư số lượng cà phê đó chưa cần bán thì đưa ra cho đại lý cà phê L1 – L mượn để được tính lãi suất thoả thuận theo mức 200kg/1 tấn/1 năm**,** ông K là người bảo lãnh (mất phải đền bù) nên phải trả cho ông K theo mức phí bằng tiền lưu kho là 20kg/1 tấn/1 năm**.** Sau đó vợ chồng bà T – H2 đã đồng ý đem toàn bộ số lượng cà phê đã gửi trong kho của ông K ra cho đại lý cà phê L1 – L mượn (ông K trực tiếp gửi cà phê cho đại lý L2) và hưởng toàn bộ số lãi hàng năm. Cho đến năm 2017 thì đại lý cà phê L1 – Lài bỏ chạy (hiện nay không biết ở đâu) nên ông K phải đứng ra gánh chịu toàn bộ số nợ cà phê cho vợ chồng bà T – Hồng tính cả gốc và lãi tồn đọng là 29.229kg nhưng tại thời điểm này vợ chồng bà T – H2 vẫn không bán mà chỉ yêu cầu ông K ghi lại phiếu gửi cà phê (ghi thành nhiều phiếu, có đổi phiếu 12 tháng một lần), đến năm 2022 bà T đề nghị bán 5.000kg, ông K đã thanh toán đủ tiền và đề nghị tính toán lại tiền lưu kho nhưng bà T nói là cà phê của gia đình bà còn đó nên khi nào bán hết mới tính tiền lưu kho. Cho đến năm 2023 bà T đề nghị bán 10.000kg, ông K đã thanh toán đủ tiền nhưng vẫn chưa được tính tiền lưu kho và ông K còn đang lưu giữ của bà T, ông H2 14.229 kg cà phê nhân xô. Vợ chồng bà T – H2 yêu cầu ông K phải biên lại phiếu gửi đủ số cà phê còn lại là 14.229kg với thoả thuận cà lên chốt giá tiền xin trả dần sau khi trừ tiền lưu kho. Như vậy, khi ông Trần Xuân H và bà Lê Thị T yêu cầu ông K phải trả 14.229kg cà phê nhân xô còn lại theo hợp đồng gửi giữ tài sản là đúng, tuy nhiên chưa có thỏa thuận nào khác về thời hạn trả nợ nên ông K không đồng ý trả cho ông H, bà T số cà phê nhân xô là 14.229kg như yêu cầu.

Tuy nhiên, theo thỏa thuận miệng và theo quy định thì mặt hàng cà phê nhân xô là một loại tài sản có tỷ lệ hư hao nhất định trong quá trình bảo quản nên cần phải tính chi phí về bảo quản và tiền công cho bên giữ tài sản, trong Hợp đồng các bên không thỏa thuận về mức tiền công nên căn cứ khoản 2, Điều 561 của Bộ luật dân sự tính mức tiền công trung bình tại địa điểm và thời điểm trả tiền công (còn gọi là tiền lưu kho theo cách gọi thông thường khi gửi giữ cà phê) là 2%/số lượng cà phê gửi giữ/năm. Theo ghi nhận trong sổ cân cà phê trong quá trình các bên thực hiện hợp đồng gửi giữ và các Biên lai nhận hàng mà ông K còn giữ lại được thì số lượng cà phê ông Trần Xuân H và bà Lê Thị T đã gửi cho ông K tính từ tháng 8 năm 2007 đến ngày 15 tháng 8 năm 2013 tổng cộng là 15.729kg nên tiền lưu kho và tiền phí trách nhiệm cho ông H, bà T hưởng lãi trong thời gian gửi cho đại lý cà phê L1 – Lài mượn được tính đến tháng 8/2013 là: 15.729kg x 4%/năm x 06 năm = 3.775kg; Từ ngày 15 tháng 8 năm 2013 tháng 8/2017 với 29.229kg nên tiền lưu kho và tiền trách nhiệm cho ông H, bà T hưởng lãi trong thời gian gửi cho đại lý cà phê L1 – Lài mượn được tính là: 29.229kg x 4%/năm x 04 năm = 4.677kg; Tiền lưu kho tính từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 8/2022 là: 29.229kg x 2%/năm x 05 năm = 2.923kg; Tiền lưu kho tính từ tháng 8 năm 2022 đến tháng 8/2023 là: 24.229kg x 2%/năm x 01 năm = 485kg; Tiền lưu kho tính từ tháng 8 năm 2023 đến nay là: 14.229kg x

2%/năm x 02 năm = 569kg, tổng cộng tiền công trung bình tại địa điểm và thời điểm trả tiền công là: 12.429kg.

Vì vậy, ông Nguyễn K làm đơn phản tố đề nghị Tòa án giải quyết để buộc ông Trần Xuân H và bà Lê Thị T phải thanh toán cho ông K chi phí về bảo quản và tiền công gửi giữ cà phê nhân xô trong toàn bộ thời gian gửi giữ tổng cộng là: 12.429kg cà phê nhân xô. Số lượng cà phê này đề nghị khấu trừ trực tiếp vào số lượng cà phê theo Biên lai nhận hàng (phiếu gửi cà phê) ngày 22/3/2023 với số lượng hàng gửi là 14.229kg cà phê nhân xô.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 23/DSST ngày 18/9/2025 của TAND Khu vực 7 - Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217 và Điều 218 và Điều 219, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T.

Buộc ông Nguyễn K trả lại cho ông Trần Xuân H và bà Lê Thị T số tiền 1.717.440.300 đồng (tương đương với 14.229 kg cà phê nhân xô x 120.700 đồng/kg) theo biên lai nhận hàng ngày 22/02/2023.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

2. Bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn K về việc buộc ông H, bà T phải trả cho ông K chi phí về bảo quản và tiền công gửi giữ cà phê nhân xô trong toàn bộ thời gian gửi giữ từ tháng 8/2007 đến tháng 8/2024 tổng cộng là: 12.429kg cà phê nhân xô. Số lượng cà phê này đề nghị khấu trừ trực tiếp vào số lượng cà phê theo Biên lai nhận hàng (phiếu gửi cà phê) ngày 22/3/2023 với số lượng hàng gửi là 14.229kg cà phê nhân xô.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T về việc buộc ông Nguyễn K phải trả cho ông Trần Xuân H, bà Lê Thị T số tiền vay gốc là 480.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 04/3/2024 đến ngày 28/11/2024 là 40.793.424 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

*** Kháng cáo:** Ngày 03/10/2025, ông Nguyễn K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:**

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Kiên . Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2025/DS-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn K nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn K, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất thừa nhận rằng ngày 22/02/2023 ông Trần Xuân H và bà Lê Thị T đã gửi tại đại lý của ông Nguyễn K số lượng 14.229 kg cà phê nhân xô với mục đích khi nào ông H, bà T bán thì sẽ chốt giá bán cho ông K. Việc nhận hàng được thể hiện bằng "Biên lai nhận hàng" do ông K lập, trong đó ghi rõ nội dung "cà lên chốt giá tiền xin trả dần", thời hạn là 12 tháng. Ông K cũng thừa nhận hiện đang giữ số lượng cà phê nêu trên của ông H và bà T. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là các tình tiết, sự kiện đã được các bên thừa nhận nên không phải chứng minh.

Sau khi hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày gửi cà phê, đến khoảng tháng 4/2024 khi giá cà phê tăng, ông H và bà T nhiều lần yêu cầu ông K chốt giá để thanh toán nhưng ông K không thực hiện, đồng thời cũng không trả lại số cà phê đã nhận giữ. Mặc dù ông K cho rằng giữa hai bên chưa có thỏa thuận về thời hạn trả tiền nên không đồng ý thanh toán số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn, tuy nhiên tại biên lai nhận hàng đã thể hiện rõ thời hạn gửi là 12 tháng và khi đến hạn phía ông H, bà T đã chốt giá bán và yêu cầu ông K thanh toán. Việc ông K từ chối chốt giá thanh toán hoặc trả lại cà phê cho ông H, bà T là vi phạm thỏa thuận giữa các bên. Do đó, việc ông H và bà T khởi kiện yêu cầu buộc ông K phải thanh toán giá trị 14.229 kg cà phê nhân xô theo giá thị trường 120.700 đồng/kg, tương ứng 1.717.440.300 đồng, là có căn cứ.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn K về việc buộc ông Trần Xuân H và bà Lê Thị T phải thanh toán chi phí bảo quản và tiền công gửi giữ cà phê từ tháng 8/2007 đến tháng 8/2024 với số lượng tương đương 12.429 kg cà phê nhân xô để khấu trừ vào số lượng cà phê đã gửi. Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ giữa các bên phát sinh từ việc ký gửi cà phê với mục đích để chốt giá mua bán, không phải là quan hệ hợp đồng gửi giữ tài sản theo quy định tại Điều 554 của Bộ luật Dân sự 2015. Hơn nữa, trong các biên lai nhận hàng do ông K cung cấp không có nội dung nào thể hiện thỏa thuận về chi phí bảo quản hoặc tiền công gửi giữ như ông K trình bày. Ngoài lời khai, ông K cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ hợp pháp chứng minh cho yêu cầu phản tố của mình; đồng thời ông H và bà T không thừa nhận có thỏa thuận này. Vì vậy, yêu cầu phản tố của ông K là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ các phân tích trên có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân H và bà Lê Thị T về việc buộc ông Nguyễn K thanh toán giá trị 14.229 kg cà phê nhân xô tương đương 1.717.440.300 đồng là có căn cứ, phản tố của ông Nguyễn K là không có cơ sở để chấp nhận.

Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn K mà cần giữ nguyên bản sơ thẩm là phù hợp.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do ông Nguyễn K là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Kiên . Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đắk Lắk.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn K là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 7;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Trang